



sù jiāo

塑胶

noun · plastic

Example Sentences

Zhè ge bēi zi shì sù jiāo zuò de

这个杯子是塑胶做的。

This cup is made of plastic.

Sù jiāo zhì pǐn duì huán jìng yǒu wū rǎn

塑胶制品对环境有污染。

Plastic products pollute the environment.

Trace each character, then write the word on your own.

塑	塑	塑	塑	塑	塑	塑	塑	塑	塑	塑
塑	塑	塑	塑	塑						
胶	胶	胶	胶	胶	胶	胶	胶	胶	胶	胶
胶	胶									